

HOẠT ĐỘNG ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP CHO SINH VIÊN: NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP KHOA TIẾNG TRUNG QUỐC, TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG

Hoàng Thanh Hương¹

Email: huonght@ftu.edu.vn, ORCID: 0009-0001-2897-5032

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 06/11/2025. Ngày phản biện đánh giá: 08/05/2026.

Ngày bài báo được duyệt đăng: 20/05/2026

DOI: 10.59266/houjs.2026.1297

Tóm tắt: Bài viết đánh giá thực trạng hướng nghiệp cho sinh viên tại Khoa tiếng Trung Quốc Trường Đại học Ngoại thương. Kết quả nghiên cứu cho thấy, đơn vị đã triển khai tương đối đa dạng các nội dung và hình thức định hướng nghề nghiệp, góp phần hỗ trợ sinh viên nhận thức về ngành học, nghề nghiệp liên quan và thị trường lao động. Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được, các hoạt động này cũng tồn tại một số hạn chế. Từ đó, bài viết đề xuất phương hướng cải tiến góp phần nâng cao hiệu quả công tác định hướng nghề nghiệp cho sinh viên trong bối cảnh đổi mới giáo dục đại học hiện nay.

Từ khóa: hoạt động định hướng nghề nghiệp, nội dung và hình thức hoạt động

I. Đặt vấn đề

Trên thế giới, vấn đề định hướng nghề nghiệp (ĐHNN) được quan tâm từ sớm, khởi đầu với công trình *Lựa chọn một nghề nghiệp* của Parsons (1909). Sau đó các nghiên cứu khác công bố, xây dựng nền tảng lý luận ĐHNN, tiêu biểu là “*Lựa chọn nghề nghiệp: Lý thuyết về nghề nghiệp*” của Holland (1973). Sang thế kỷ XXI, các nghiên cứu đi sâu vào hoạt động thực tiễn, trong đó có nghiên cứu của Sharf (2009), Di Fabio và cộng sự (2015) và Eremie (2014) khi chỉ ra các yếu tố năng lực cá nhân, giới tính, gia đình, xã hội... ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn nghề nghiệp của người học.

Tại Việt Nam, nghiên cứu ĐHNN cũng ngày càng đa dạng. Một số công trình chỉ ra xu hướng lựa chọn nghề nghiệp, mô hình và cách thức tổ chức giáo dục hướng nghiệp cho học sinh (Võ, 1982; Phạm, 2003; Đặng, 2010); Một số nghiên cứu khác phản ánh thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động ĐHNN cho sinh viên (SV) một số ngành đào tạo cụ thể (Đỗ, 2006; Nguyễn, 2017; Nguyễn & cộng sự, 2023; Hoàng & cộng sự, 2022, 2023).

Như vậy, các công trình nghiên cứu ở trong nước và nước ngoài đã làm rõ các nội dung liên quan đến vấn đề hướng nghiệp, đặt nền móng khoa học trong nghiên cứu ĐHNN đến các vấn đề cụ thể

¹ Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

trong thực tiễn. Tuy nhiên, các nghiên cứu đi sâu phân tích hoạt động ĐHNN tại đơn vị đào tạo ngoại ngữ còn chưa nhiều. Đây là cơ sở để tác giả thực hiện bài viết “*Hoạt động định hướng nghề nghiệp cho sinh viên: Nghiên cứu trường hợp Khoa tiếng Trung Quốc Trường Đại học Ngoại thương*”. Trong bài viết này, tác giả sẽ đánh giá hoạt động hướng nghiệp tại đơn vị ở hai khía cạnh hình thức và nội dung, từ đó chỉ ra vấn đề tồn tại và đề xuất phương hướng cải tiến nhằm phát triển hoạt động ĐHNN chất lượng cao.

II. Cơ sở lý thuyết

Theo Từ điển Tâm lý học, “định hướng” là khuynh hướng của một hoạt động cụ thể gắn với sự am hiểu vấn đề (Vũ, 2008, tr.161). “Nghề nghiệp” là lĩnh vực hoạt động dựa trên tri thức và kỹ năng chuyên môn hình thành qua đào tạo hoặc thực tiễn, cho phép cá nhân thực hiện một loại lao động nhất định trong hệ thống phân công xã hội (Đặng, 2022; Đỗ, 2017; Trần, 2014). Do đó, hoạt động ĐHNN không tách rời quá trình giáo dục và đào tạo. Nhiều nghiên cứu nhấn mạnh sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường, đồng thời khẳng định nhà trường giữ vai trò trung tâm trong việc giúp người học lựa chọn nghề nghiệp (Bùi & cộng sự, 2020; Đặng, 2010). Ngoài ra, “hoạt động ĐHNN còn là hoạt động của tập thể sư phạm tác động đến người học, nhằm cung cấp kiến thức, kỹ năng và các thông tin đặc trưng của ngành nghề để người học tự chọn một ngành nghề phù hợp với khả năng và nguyện vọng” (Nguyễn, 2015, tr.20).

Đối với cơ sở giáo dục đại học, Quyết định số 68/2008/QĐ-BGDĐT quy định hoạt động hướng nghiệp gồm: Tư vấn, giới thiệu ngành/chuyên ngành đào tạo

và cơ hội việc làm; Tư vấn phương pháp học tập, đặc điểm ngành nghề và các chính sách, pháp luật liên quan; Tổ chức câu lạc bộ hướng nghiệp, hoạt động ngoại khóa và giao lưu với đơn vị sử dụng lao động nhằm trang bị cho người học kiến thức thực tiễn và kỹ năng thích ứng với môi trường làm việc sau tốt nghiệp (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2008). Năm 2022, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư số 07/2022/TT-BGDĐT, quy định công tác hướng nghiệp cần: Xây dựng cơ sở dữ liệu thị trường lao động; Bồi dưỡng cho SV kỹ năng nhận thức, kỹ năng nghề nghiệp và quản lý cảm xúc; Hỗ trợ SV trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp và tham gia làm thêm phù hợp; Đồng thời, nhà trường cung cấp công cụ đánh giá năng lực, tổ chức rèn luyện kỹ năng qua hoạt động xã hội, ngoại khóa, câu lạc bộ, phối hợp tổ chức ngày hội việc làm và cập nhật tình trạng việc làm của SV sau tốt nghiệp (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2022).

Như vậy, bên cạnh sự phối hợp của gia đình, hoạt động ĐHNN là một chuỗi các hoạt động do chủ thể “Nhà trường” đứng ra tổ chức, nhằm mục đích trang bị cho người học các kiến thức, kỹ năng, thái độ liên quan đến ngành nghề, đồng thời cung cấp các thông tin cơ bản liên quan đến nghề nghiệp, kèm theo đó là các kinh nghiệm thực tế. Mặc dù các lý luận trên nêu rõ nhiệm vụ chung của công tác hướng nghiệp trong các cơ sở giáo dục ĐH, song cũng cần lưu ý là các hoạt động ĐHNN trong nhà trường cần phù hợp với đặc điểm và tính chất của từng lĩnh vực đào tạo, mặt khác cũng cần linh hoạt điều chỉnh theo đặc thù và yêu cầu riêng của từng ngành nghề. Trong quá trình triển khai, việc đánh giá kết quả thực hiện

hoạt động ĐHNN có thể tham chiếu Thông tư số 07/2022/TT-BGDĐT với các tiêu chí: Nội dung và hình thức tổ chức; Mức độ tham gia của SV; Mức độ hợp tác với doanh nghiệp - xã hội; Điều kiện cơ sở vật chất, công cụ, nhân lực hỗ trợ.

III. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng kết hợp mô tả - phân tích. Dữ liệu được thu thập thông qua khảo sát bằng bảng hỏi đối với 360 SV (K59, K60, K61, K62) từ năm thứ nhất đến năm thứ tư chuyên ngành tiếng Trung thương mại (TTTM), trong đó có 347 phiếu hợp lệ được tổng hợp và xử lý thống kê, làm căn cứ phân tích và đánh giá thực trạng hoạt động định hướng nghề nghiệp tại đơn vị nghiên cứu.

IV. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

Dưới đây, bài viết sẽ khái quát kết quả thực hiện hoạt động ĐHNN của đơn vị theo hai tiêu chí nội dung và hình thức tổ chức:

Về nội dung hoạt động ĐHNN

Các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành năm 2008 và 2022 đều thống nhất, nội dung hoạt động ĐHNN tại các cơ sở giáo dục ĐH tập trung vào hai trụ vấn đề cốt lõi: Cung cấp thông tin về chuyên ngành và chương trình đào tạo (CTĐT); Cung cấp thông tin nghề nghiệp gắn với chuyên ngành đào tạo. Qua đó, SV có cơ sở

lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực, định hướng cá nhân và chủ động bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.

Là đơn vị quản lý Chuyên ngành TTTM, Khoa tiếng Trung Quốc (Khoa TTQ) giữ vai trò trung tâm trong việc phổ biến CTĐT, lộ trình học tập và thông tin nghề nghiệp liên quan cho SV. Trước hết, các thông tin này được giới thiệu trong hoạt động tuyển sinh. Sau đó, Khoa tiếp tục phổ biến qua buổi sinh hoạt công dân (SHCD) và lồng ghép giới thiệu đề cương chi tiết học phần (ĐCCTHP) trong giảng dạy. Ngoài ra, CTĐT còn được công khai trên website, giúp SV dễ dàng tra cứu và theo dõi tiến độ học tập. Theo SV, Khoa TTQ đã thực hiện tương đối tốt vai trò cung cấp thông tin CTĐT và ĐCCTHP, 100% SV các khóa K59 - K62 đã nhận được thông tin, giúp SV có cái nhìn tổng thể về lộ trình học tập, hỗ trợ SV xây dựng kế hoạch học tập và chủ động trong việc tiếp cận cơ hội nghề nghiệp. Tuy nhiên, về mức độ nắm bắt thông tin cốt lõi của các học phần trong CTĐT, giữa các sinh viên có sự khác biệt đáng kể. Cụ thể, 192/347 SV đã nắm được các thông tin về kiến thức, kỹ năng, thái độ tự chủ trách nhiệm trong các học phần, nhưng 100/347 SV chỉ tiếp cận được một phần thông tin và 55/347 SV không nắm được sự đóng góp của các học phần. Xem Bảng 1.

Bảng 1. Đánh giá của sinh viên về mức độ nắm bắt thông tin học phần trong CTĐT

Số SV phản hồi	Nắm được thông tin cốt lõi	Nắm được một phần thông tin	Không nắm được thông tin
347	192	100	55
100%	55,3%	28,8%	15,9%

(Nguồn: Tổng hợp kết quả khảo sát của bài viết)

Kết quả trên phản ánh, mặc dù việc cung cấp thông tin đã triển khai rộng rãi, nhưng hiệu quả truyền đạt chưa đồng đều, mức độ hấp dẫn của nội dung thông tin chưa cao khiến nhiều SV chưa quan tâm đến thông tin được cung cấp. Tỷ lệ SV chỉ hiểu một phần hoặc chưa nắm được thông tin chiếm 44,7% cho thấy, cần có biện pháp tăng cường hoạt động giới thiệu CTĐT.

Khoa TTQ cũng giữ vai trò nòng cốt trong việc phổ biến thông tin nghề nghiệp

Bảng 2. Đánh giá của sinh viên về mức độ đáp ứng của thông tin nghề nghiệp

Số SV phản hồi	Thông tin đáp ứng nhu cầu	Thông tin còn hạn chế
342/347	117	225
98,5%	34,2%	65,8%

(Nguồn: Tổng hợp kết quả khảo sát của bài viết)

Theo phản hồi của SV, nội dung thông tin được cung cấp chủ yếu tập trung vào yêu cầu năng lực ở một số vị trí việc làm, đặc điểm thị trường lao động và định hướng phát triển nghề nghiệp gắn với CTĐT. Tuy nhiên, phạm vi thông tin ngành nghề còn hạn chế nên chỉ 34,2% SV đánh giá lượng thông tin đáp ứng nhu cầu, còn lại 65,8% SV cho rằng thông tin còn mang tính khái quát, thiên về lý thuyết, chưa làm rõ đặc thù của lĩnh vực nghề nghiệp cụ thể cũng như các ngành nghề tiềm năng.

Việc thiếu dẫn chứng minh họa từ thực tiễn khiến SV chưa có được cái nhìn toàn diện về các lĩnh vực sử dụng nhân lực chuyên ngành TTTM. Vì thế, với thông tin hiện có, SV vẫn gặp khó khăn khi hình dung về môi trường làm việc, vị trí công tác, yêu cầu về kiến thức chuyên ngành và kỹ năng nghề nghiệp, cũng như mức lương khởi điểm và cơ hội phát triển nghề nghiệp.

cho SV. Theo phản hồi, đã có 342/347 SV (98,5%) đã được cung cấp thông tin nghề nghiệp thông qua các kênh như buổi tư vấn tuyển sinh, SHCD hoặc thông qua việc lồng ghép nội dung ĐHNN trong quá trình giảng dạy. Trong đó, 100% SV khóa K59 và K62, cùng với phần lớn SV K60 (100/101 SV) và K61 (69/73 SV) ghi nhận đã tiếp cận các thông tin này. Tuy nhiên, mức độ đáp ứng nhu cầu thông tin của SV vẫn còn hạn chế, thể hiện qua đánh giá chi tiết trong Bảng 2.

Về hình thức hoạt động ĐHNN

Thông tư số 07/2022/TT-BGDĐT yêu cầu các cơ sở giáo dục ĐH tổ chức đa dạng các hoạt động đào tạo, trải nghiệm và kết nối doanh nghiệp nhằm bồi dưỡng kiến thức, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và hỗ trợ việc làm cho SV. Theo đó, hoạt động ĐHNN được triển khai dưới nhiều hình thức như đào tạo, tư vấn, tọa đàm, hội thảo, hoạt động thực tế và các cuộc thi chuyên môn. Dưới đây là một số hình thức đã được Khoa TTQ triển khai:

Tổ chức hoạt động đào tạo: Trong hoạt động đào tạo, Khoa TTQ đã trang bị tương đối đầy đủ kiến thức, kỹ năng và năng lực nghề nghiệp cho người học chuyên ngành tiếng Trung thương mại (TTTM), trong đó khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp cho SV hệ Tiêu chuẩn (TC) và Chất lượng cao (CLC) chiếm tỷ trọng từ 74,5 - 82,1% trên tổng số tín chỉ trong CTĐT, thể hiện sự chú trọng phát triển các học phần chuyên môn mang tính ĐHNN. Chi tiết tại Bảng 3:

Bảng 3. Phân bố khối kiến thức trong CTĐT ngành tiếng Trung Thương mại

Khối kiến thức \ Khóa SV	K59		K60 + K61		K62	
	TC	CLC	TC	CLC	TC	CLC
a. Kiến thức giáo dục đại cương	38	26	38	26	38	26
b. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	111 (74,5%)	119 (82,1%)	111 (74,5%)	119 (82,1%)	111 (74,5%)	116 (81,7%)
+ Kiến thức cơ sở ngành	12	14	12	14	12	14
+ Kiến thức ngành	39	33	39	33	39	30
+ Kiến thức chuyên ngành	48	39	48	39	48	36
+ Kiến thức nghiệp vụ chuyên ngành Kinh doanh quốc tế	0	21	0	21	0	21
+ Thực tập ngôn ngữ	0	0	0	0	0	3
+ Thực tập giữa khoá	3	3	3	3	3	3
+ Học phần tốt nghiệp	9	9	9	9	9	9

(Nguồn: Kết quả thống kê từ CTĐT chuyên ngành TTTM)

Đặc biệt, phần kiến thức chuyên ngành, SV còn được tiếp cận kiến thức gắn với thực tiễn nghề nghiệp trong các lĩnh vực thương mại quốc tế, tài chính, đầu tư, đồng thời có thể lựa chọn các học phần liên ngành nhằm phát triển kỹ năng mềm, tư duy đổi mới sáng tạo và tinh thần khởi nghiệp. Đáng chú ý, Khoa TTQ đã chủ động kết nối mời doanh nghiệp, chuyên gia và cựu SV tham gia giảng dạy hoặc chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn trong một số học phần, qua đó tăng cường tính ứng dụng và ĐHN cho CTĐT. Tuy vậy, Khoa TTQ hiện chưa triển khai các khóa học bổ trợ kiến thức và kỹ năng ngắn hạn cho SV. Đây là một khoảng trống cần được quan tâm trong chiến lược đào tạo toàn diện.

Tổ chức các buổi tư vấn, sinh hoạt, tọa đàm, hội thảo, hội nghị: Tại Khoa TTQ, buổi sinh hoạt công dân (SHCD) được tổ chức thường niên, tiêu biểu là chương trình “Hành trang Khoa Trung”, giúp tân SV hình dung về lộ trình đào tạo gắn với chuyên ngành. Sau giai đoạn nhập học, Khoa tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề, cung cấp thông tin về kế

hoạch thực tập, điều kiện tốt nghiệp và các cơ hội nghề nghiệp liên quan. Ngoài ra, Khoa định kỳ tổ chức buổi tọa đàm phát triển kỹ năng ngôn ngữ, giới thiệu văn hóa - đất nước học và định hướng thực tập nghề nghiệp. Những hoạt động này đã tạo lập không gian trao đổi, góp phần tăng cường gắn kết hoạt động đào tạo, từ đó hỗ trợ SV định hình lộ trình phát triển nghề nghiệp.

Tuy nhiên, mức độ quan tâm của SV đến các buổi SHCD và tọa đàm chưa đạt 100%. Kết quả khảo sát cho thấy khoảng 65-70% SV tham gia các hoạt động này, trong đó 69,7% SV tham gia SHCD và 64,8% SV tham gia các buổi tọa đàm.

Bảng 4. Mức độ tham gia các buổi sinh hoạt và tọa đàm của sinh viên

Số SV phản hồi	Tỷ lệ tham gia	
	Buổi SHCD	Buổi Tọa đàm
347	242	225
100%	69,7%	64,8%

(Nguồn: Tổng hợp kết quả khảo sát của bài viết)

Đáng chú ý là các hình thức buổi tư vấn, hội thảo, hội nghị SV chưa được triển khai ở các Khóa. Điều này cho thấy sự

chú trọng của Khoa đối với các hoạt động mang tính trao đổi và đối thoại trực tiếp.

Tổ chức các hoạt động thực tế: Khoa TTQ định kỳ tổ chức cho SV tham quan doanh nghiệp trong nước, thực tập hè tại Nam Ninh (Trung Quốc), tham gia Trại hè tại Côn Minh và Vũ Hán. Những hoạt động này cho thấy vai trò của Khoa TTQ trong việc kết nối nhà trường và doanh nghiệp, qua đó mở rộng không gian học tập và tạo cơ hội cho SV phát triển kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp. SV đánh giá cao các hoạt động thực tế do đơn vị tổ chức, nhờ đó SV nắm được quy trình vận hành, trải nghiệm văn hóa doanh nghiệp, hiểu được khác biệt giữa lý luận và thực tiễn. Bên cạnh những kết quả tích cực, công tác tổ chức vẫn còn tồn tại những bất cập. Khoa TTQ chưa bảo đảm được tính đồng bộ trong việc triển khai giữa các khóa và các hệ đào tạo, cụ thể giữa hệ chất lượng cao và hệ tiêu chuẩn. Vấn đề này xuất phát từ việc Khoa TTQ

có sự ưu tiên cho chương trình chất lượng cao nhằm đáp ứng các yêu cầu đặc thù về chuẩn đầu ra và cam kết chất lượng của chương trình, dẫn đến sự phân bổ hoạt động chưa cân bằng giữa các hệ đào tạo.

Tổ chức các cuộc thi: Trong những năm qua, Khoa TTQ đã tổ chức và khuyến khích SV tham gia nhiều cuộc thi gắn với kỹ năng ngôn ngữ và nghề nghiệp như Nhịp cầu Hán Ngữ, Tài năng diễn thuyết tiếng Trung, Về xoắn lưỡi Raokouling, Tài năng Biên phiên dịch, cuộc thi Lồng tiếng. Qua đó, SV được rèn luyện khả năng trình bày, nâng cao năng lực tiếng Trung, phát triển tư duy phản biện và kỹ năng làm việc nhóm, góp phần thích ứng với môi trường làm việc thực tế. Tuy nhiên, mức độ SV biết và quan tâm đến các cuộc thi có sự chênh lệch đáng kể giữa các khóa, trong đó SV năm thứ hai đến năm thứ tư có mức độ quan tâm cao (>80%), còn SV năm thứ nhất có tỷ lệ quan tâm thấp hơn (<20%).

Bảng 5. Tỷ lệ sinh viên biết và quan tâm đến các cuộc thi của Khoa Tiếng Trung Quốc

Khóa SV	Số SV biết/quan tâm	Tổng SV	Tỷ lệ
K59	76	76	100%
K60	93	101	92,1%
K61	62	73	84,9%
K62	14	97	14,4%
Tổng	245	347	70,6%

(Nguồn: Tổng hợp kết quả khảo sát của bài viết)

Kết quả cho thấy, sự khác biệt về thời gian học tập, trình độ kiến thức, năng lực sử dụng tiếng Trung cùng với hạn chế trong công tác truyền thông, khiến số SV năm thứ nhất biết và quan tâm đến các cuộc thi chưa cao, cần thiết xây dựng chiến lược truyền thông, đồng thời cần thiết kế các hình thức và nội dung cuộc thi tương thích với đặc điểm trình độ và tâm lý của từng Khóa SV.

Đánh giá chung và đề xuất phương hướng cải tiến

Trong công tác ĐHNN, Khoa TTQ đã thực hiện hiệu quả việc cung cấp thông tin về ngành học và nghề nghiệp, đồng thời triển khai đa dạng các hình thức tổ chức và phổ biến hoạt động đến SV. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế trong quá trình thực hiện, vì vậy bài viết đề xuất một số phương hướng cải tiến dưới đây.

Đối với các vấn đề về nội dung ĐHNN như SV tiếp nhận và nắm bắt thông tin về chuyên ngành và CTĐT chưa đồng đều; có SV thờ ơ với thông tin được cung cấp; các thông tin nghề nghiệp được đánh giá thiếu chiều sâu, chưa đáp ứng nhu cầu của SV. Nội dung ĐHNN tại Khoa TTQ mới dừng lại ở mức truyền đạt thông tin chung, đồng thời chưa quan tâm đến nhận thức SV về tính cấp thiết của việc định hướng và có kế hoạch phát triển nghề nghiệp phù hợp với năng lực cá nhân và yêu cầu của thị trường lao động. Do đó thời gian tới cần đổi mới nội dung ĐHNN theo hướng cụ thể hóa, gắn với thực tiễn và phân hóa theo từng nhóm ngành nghề đặc thù; tăng cường hoạt động trải nghiệm thực tế, kết hợp minh họa bằng tình huống nghề nghiệp trong đào tạo. Top of Form Bottom of Form Bên cạnh đó, Khoa TTQ cần chú trọng hơn đến hiệu quả truyền đạt thông tin cũng như việc hình thành nhận thức cho SV về vai trò ĐHNN trong suốt quá trình học tập. Để đảm bảo thông tin tiếp cận đến người học, Khoa TTQ cần xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác ĐHNN, qua đó giúp thông tin được cung cấp có hệ thống, thường xuyên cập nhật và phù hợp với các thay đổi của thị trường lao động.

Đối với các vấn đề về hình thức ĐHNN như chưa triển khai các khóa học hỗ trợ phát triển kỹ năng nghề nghiệp ngắn hạn; thiếu các buổi tư vấn chuyên sâu và hội nghị SV mang tính định hướng tổng thể; cơ hội tham gia các hoạt động thực tế giữa các khóa học và các hệ đào tạo chưa đồng đều; đồng thời, mức độ chủ động của SV trong việc tham gia các cuộc thi còn hạn chế. Điều này cho thấy, dù hoạt động ĐHNN tại Khoa TTQ được triển khai với

nhiều loại hình đa dạng, song còn rời rạc, thiếu sự liên kết chặt chẽ và lộ trình phát triển rõ ràng. Do đó, cần thiết tái cấu trúc hình thức tổ chức hoạt động ĐHNN theo hướng hệ thống gắn với từng giai đoạn học tập, bảo đảm sự phù hợp với trình độ, nhu cầu và đặc điểm tâm lý của SV. Sau mỗi hoạt động, Khoa cần thu thập phản hồi từ SV làm cơ sở đánh giá, cải tiến, nhằm nâng cao tính chuyên nghiệp và hiệu quả bền vững của hoạt động ĐHNN. Đồng thời, Khoa TTQ cũng cần hoàn thiện cơ chế tổ chức, bảo đảm sự công bằng trong việc tiếp cận hoạt động, kết hợp với việc nâng cao nhận thức của SV về vai trò của ĐHNN và xây dựng cơ chế khuyến khích phù hợp để tăng cường mức độ chủ động và tích cực tham gia của SV.

V. Kết luận

Quá trình triển khai hoạt động ĐHNN cho SV, Khoa TTQ đã đạt được một số kết quả đáng kể ở hai khía cạnh nội dung và hình thức tổ chức. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu thực trạng cũng chỉ ra một số hạn chế cần khắc phục. Từ đó, bài viết đề xuất một số phương hướng cải tiến trọng tâm: đổi mới nội dung ĐHNN theo hướng cụ thể hóa và gắn với thực tiễn nghề nghiệp; lựa chọn các hình thức hoạt động phù hợp với từng giai đoạn học tập, tổ chức như một hệ thống thống nhất, có sự phối hợp chặt chẽ giữa nội dung - hình thức - người học và yêu cầu của thị trường lao động. Đồng thời xây dựng cơ sở dữ liệu và cơ chế đánh giá thường xuyên nhằm nâng cao hiệu quả và tính bền vững của công tác ĐHNN. Kết quả nghiên cứu của bài viết có ý nghĩa thực tiễn đối với việc nâng cao chất lượng công tác ĐHNN tại Khoa tiếng Trung Quốc, Trường Đại học Ngoại thương.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2008). *Quyết định số 68/2008/QĐ-BGDĐT về việc ban hành Quy định công tác tư vấn, hỗ trợ học sinh, sinh viên*. <https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=81388>
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2022). *Thông tư số 07/2022/TT-BGDĐT quy định công tác tư vấn nghề nghiệp, việc làm và hỗ trợ khởi nghiệp trong các cơ sở giáo dục*. <https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=205829>
- Bùi, H. P., Nguyễn, T. M. T., Nguyễn, T. T., Võ, T. C., Huỳnh, T. L. K. T., & Lê, T. T. G. (2020). Yếu tố ảnh hưởng đến định hướng nghề nghiệp của sinh viên khoa Thư viện - Thông tin học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hồ Chí Minh. *Tạp chí Thông tin và Tư liệu*, (6), 13-20.
- Di Fabio, A., Palazzeschi, L., Levin, N., & Gati, I. (2015). The role of personality in the career decision-making difficulties of Italian young adults. *Journal of Career Assessment*, 23(2), 281-293. <https://doi.org/10.1177/1069072714535031>
- Đặng, D. Á. (2010). *Giáo dục hướng nghiệp ở Việt Nam*. NXB Văn hóa Thông tin.
- Đặng, T. T. (2022). Định hướng nghề nghiệp cho sinh viên trong bối cảnh hiện nay. *Tạp chí Quản lý Giáo dục*, 14(2), 38-45.
- Đỗ, N. A. (2006). *Xu hướng nghề nghiệp của sinh viên ngành văn hoá thông tin trong quá trình đào tạo tại các trường cao đẳng - đại học ở Tp. Hồ Chí Minh* [Luận án tiến sĩ không xuất bản]. Học viện Khoa học Xã hội.
- Đỗ, T. Y. (2017). *Cẩm nang nghề nghiệp hiện đại*. NXB Lao động.
- Eremie, M. D. (2014). Comparative analysis of factors influencing career choices among senior secondary school students in Rivers State, Nigeria. *Arabian Journal of Business and Management Review (Oman Chapter)*, 4(4), 20-25. <https://doi.org/10.12816/0019060>
- Holland, J. L. (1973). *Making vocational choices: A theory of careers*. Prentice-Hall.
- Hoàng, T. H., Nguyễn, T. P., Lê, T. H., Nguyễn, P. H., Bùi, D. H., & Phạm, T. H. (2022). Thực trạng định hướng nghề nghiệp của sinh viên ngành ngôn ngữ Trung Quốc tại một số trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội. *Tạp chí Khoa học Ngoại ngữ*, (72), 130-142.
- Hoàng, T. H., Nguyễn, T. P., Lê, T. H., Nguyễn, P. H., Bùi, D. H., & Phạm, T. H. (2023). Các yếu tố ảnh hưởng đến định hướng nghề nghiệp của sinh viên ngành ngôn ngữ Trung Quốc tại một số trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội. *Tạp chí Khoa học Ngoại ngữ Quân sự*, (40), 46-59. <https://doi.org/10.56512/jmfl.40.2023.46-59>
- Nguyen, T. L., Nguyen, H. T., Nguyen, N. H., Nguyen, D. L., Nguyen, T. T. D., & Le, D. L. (2023). Factors affecting students' career choice in economics majors in the COVID-19 post-pandemic period: A case study of a private university in Vietnam. *Journal of Innovation & Knowledge*, 8(1), Article 100338. <https://doi.org/10.1016/j.jik.2023.100338>
- Nguyễn, T. P. T. (2017). Thực trạng việc làm của sinh viên tốt nghiệp ngành hệ thống thông tin quản lý - Đại học Kinh tế - Đại học Huế. *Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Kinh tế và Phát triển*, 126(5A), 207-218. <https://doi.org/10.26459/hueuni-jed.v126i5A.4124>
- Nguyễn, T. T. H. (2015). *Quản lý hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho học sinh Trường Trung học phổ thông Phan Đăng Lưu, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh* [Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội]. Kho lưu trữ số.

- Parsons, F. (1909). *Choosing a vocation*. Houghton Mifflin.
- Phạm, T. D. (Chủ biên). (2003). *Thực trạng và giải pháp phát triển và nâng cao hiệu quả công tác hướng nghiệp trong trường phổ thông*. Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.
- Sharf, R. S. (2009). *Applying career development theory to counseling* (5th ed.). Brooks/Cole.
- Trần, T. D. L. (2014). *Định hướng nghề nghiệp của sinh viên ngành tâm lý học ở một số trường đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh* [Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh]. Kho lưu trữ số.
- Võ, N. G. (1982). Vấn đề giáo dục hướng nghiệp cho học sinh phổ thông. *Tạp chí Nghiên cứu Giáo dục*, (1), 1-4.
- Vũ, D. (2008). *Từ điển tâm lý học*. NXB Từ điển Bách khoa.

CAREER GUIDANCE ACTIVITIES FOR STUDENTS: A CASE STUDY OF THE FACULTY OF CHINESE LANGUAGE, FOREIGN TRADE UNIVERSITY

Hoang Thanh Huong¹

Abstract: *The article examines the current state of career guidance for students at the Faculty of Chinese Language, Foreign Trade University. The research findings indicate that the faculty has implemented a relatively diverse range of content and approaches to career orientation, thereby supporting students in developing awareness of their field of study, related professions, and the labor market. However, alongside the achievements attained, these activities also exhibit certain limitations. On this basis, the article proposes directions for improvement to enhance the effectiveness of career guidance for students amid ongoing reforms in higher education.*

Keywords: *career guidance activities, activity content and formats*

¹ Foreign Trade University, Hanoi, Vietnam